TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số**: 34/2019/HNGĐ-ST** Ngày 07/11/2019 "V/v Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và Ông Vũ Kim Mỹ.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 192/2019/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 về " Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị U, sinh năm 1985; ĐKHKTT và trú tại:xóm 17, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức P, sinh năm 1980, ĐKHKTT và trú tại: xóm 9, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị U trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức P kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 9, xã Q. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn chị và anh P đã sống ly thân từ năm 2009.

Theo chị U thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống lối sống, Trước khi kết hôn, chị và anh Phúc có thời gian tìm hiểu không lâu nên khi về chung sống vợ chồng xảy ra bất đồng, không tìm được tiếng nói chung. Chị và anh P đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn không được khắc phục. Gia đình 2 bên đã nhiều lần hòa giải cho chị và anh P nhưng mối quan hệ của vợ chồng không

được cải thiện mà còn nặng nề hơn. Vì vậy chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 17, xã Đ để sinh sống, ly thân với anh P từ năm 2009 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh P để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung và tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Nguyễn Đức P trong bản tự khai trình bày: Anh và chị Trần Thị U có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 9, xã Q, ở nhà bố mẹ đẻ của anh. Quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về mọi mặt trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nặng nề. Đến năm 2009, chị U bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 17, xã Đ, ly thân với anh, không ai quan tâm đến ai. Nay chị U yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng nhất trí vì tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã quá lâu, có quay về chung sống cũng không hạnh phúc, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị U để anh ổn định cuộc sống.

Về con chung và tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do chị U và anh P đều bận công việc nên không tham gia phiên xét xử được nên chị U và anh P đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị U và anh Nguyễn Đức P; chị U phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị U khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Đức P, cư trú tại xóm 9, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Cả nguyên đơn, bị đơn đều được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ và cả hai bên đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị U và anh Nguyễn Đức P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND Q, là hôn nhân hợp

pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Cả chị U và anh Phúc đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng mọi mặt trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung cũng như không thể có con chung nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị U và anh P tại UBND xã Q là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận chị U và anh P có xảy ra mâu thuẫn, chị U đã bỏ nhà đi, không còn chung sống với anh Phúc nữa.

Như vậy, thực tế chị U và anh P có xảy ra mâu thuẫn trong quá trình chung sống. Mặc dù vợ chồng và gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn không khắc phục được mà còn nặng nề hơn. Hai bên đã có thời gian dài sống ly thân, không ai quan tâm đến ai và đến nay chị U, anh P đều xác định không thể quay về chung sống với nhau được nữa.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị U, anh P hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị U giải quyết ly hôn anh Phúc là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung và tài sản chung: Chị Trần Thị U và anh Nguyễn Đức P đều xác định không có con chung, không có tài sản chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị Út phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Trần Thị U và anh Nguyễn Đức P.

2/ Về án phí: Chị Trần Thị U phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA3146 ngày 30/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Phạm Thế Anh